



# NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG: MỘT CÁCH TIẾP CẬN KHÁC CHO CÁC NGHIÊN CỨU TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ XÂY DỰNG

Nguyễn Thế Quân<sup>1</sup>, Mã Xuân Minh<sup>2</sup>, Nguyễn Hải Lộc<sup>3</sup>

**Tóm tắt:** Nghiên cứu hành động được áp dụng khá hạn chế trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng ở Việt Nam, mặc dù nó có một số ưu điểm lớn. Để xem xét khả năng áp dụng cách tiếp cận này trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng, bài báo đã tóm tắt lại khái niệm, ưu nhược điểm và làm rõ ba quan điểm khác nhau về quy trình thực hiện nghiên cứu hành động. Bài báo đã làm rõ phạm vi áp dụng và mức độ phổ biến trong các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau của cách tiếp cận này. Bài báo cũng chỉ ra khả năng áp dụng cũng như chủ đề, phạm vi áp dụng phù hợp của nghiên cứu hành động trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng tại Việt Nam. Ví dụ minh họa trong một hoạt động quản lý giá trị cho thấy tính khả thi và sự phù hợp của loại hình nghiên cứu này khi áp dụng trong các lĩnh vực bài báo đề xuất.

**Từ khóa:** Nghiên cứu hành động; kinh tế xây dựng; quản lý xây dựng; cách tiếp cận nghiên cứu khoa học; quản lý giá trị.

**Summary:** Action research has limited application in construction economics and management in Vietnam, though it has several significant advantages. In order to study the applicability of this approach in construction economics and management, this paper reviews different definitions, pros and cons of the approach and presents three points of view to the application. The paper articulates current scope of application and the popularity of the approach in selected fields of research. The paper also points out the possible use as well as rational topics, scope of application of action research in construction economics and management in Vietnam. Results from a case study are presented which prove the rational and feasible of the application of action research in the proposed fields.

**Keywords:** Action research; construction economics; construction management; scientific research approach; value management.

Nhận ngày 3/05/2016, chỉnh sửa ngày 17/05/2016, chấp nhận đăng 28/6/2016



## 1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu hành động (action research) là một cách tiếp cận trong nghiên cứu khoa học được sử dụng khá rộng rãi ở các nước có nền khoa học phát triển [1]. Nó được coi là một phương án thay thế khá hiệu quả cho các cách tiếp cận truyền thống khác khi người nghiên cứu cũng là người tham gia vào việc thực hiện hoạt động được nghiên cứu, vừa thực hiện hoạt động, vừa học và rút kinh nghiệm để điều chỉnh hoạt động của mình [1, 2]. Cách tiếp cận này ở Việt Nam mới được đề xuất áp dụng phổ biến trong các nghiên cứu về giáo dục, đào tạo và y tế. Do bản chất của loại nghiên cứu này là có thể được thực hiện ở các hoàn cảnh khác nhau, cho nên, hoàn toàn có thể áp dụng vào các nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng trong những hoàn cảnh phù hợp.

Bài báo này nghiên cứu nội dung, phạm vi áp dụng, các cách tiếp cận về nghiên cứu hành động và đề xuất áp dụng nghiên cứu hành động trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng.



## 2. Khái niệm, quy trình nghiên cứu hành động

### 2.1 Khái quát về nghiên cứu hành động

Được đặt nền móng bởi John Dewey từ những năm 1910, nhưng mãi đến năm 1946, thuật ngữ “nghiên cứu hành động” mới xuất hiện lần đầu tiên trong một báo cáo nghiên cứu cải tiến hoạt động trong trường học của Kurt Lewin, một nhà tâm lý học xã hội [3]. Kurt Lewin đã đề xuất ý tưởng cho các nhà quản lý trường học phân tích thực trạng và đưa ra các hành động để cải tiến, đi kèm với việc đánh giá các hành động đã được thực hiện. Loại nghiên cứu này đòi hỏi phải áp dụng ngay các giải pháp là kết quả nghiên cứu, từ đó có thể đánh giá việc thực hiện các giải pháp này nhằm tiến hành các cải tiến tiếp theo.

<sup>1</sup>PGS.TS, Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng. Trường Đại học Xây dựng. Email: quannt@nuce.edu.vn.

<sup>2</sup>ThS, Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng. Trường Đại học Xây dựng.

<sup>3</sup>ThS, Kiểm toán Nhà nước.



Nghiên cứu hành động không phải là một phương pháp nghiên cứu, mà là một cách tiếp cận. Trong các cách tiếp cận truyền thống (có thực nghiệm), các nhà nghiên cứu tiến hành nghiên cứu trên những người khác. Trong nghiên cứu hành động, nhà nghiên cứu tiến hành nghiên cứu trên chính bản thân ông/bà ta, có thể trên cả những người khác cùng thực hiện một hoạt động hoặc những người thực hiện các hoạt động tương tự.

Do đều được thực hiện cùng với các hành động, nghiên cứu hành động và nghiên cứu thực nghiệm thường bị nhầm lẫn, có một số nhà nghiên cứu coi nghiên cứu hành động là một loại hình nghiên cứu thực nghiệm. Tuy nhiên, chúng hoàn toàn khác nhau. Sự khác biệt lớn nhất giữa nghiên cứu hành động và nghiên cứu thực nghiệm là ở chỗ, nghiên cứu hành động là một cách tiếp cận, trong cách tiếp cận này có thể sử dụng nguyên lý của một hoặc vài phương pháp nghiên cứu, trong khi đó, nghiên cứu thực nghiệm bản thân nó là một phương pháp nghiên cứu. Ngoài ra, nghiên cứu hành động hướng tới có được ngay các giải pháp cho vấn đề cần giải quyết, trong khi nghiên cứu thực nghiệm lại cần thời gian để xây dựng và áp dụng giải pháp cho vấn đề, thường theo cách tiếp cận “thử và sai”. Nghiên cứu hành động không cần nhiều sự chuẩn bị trước, ngay khi vấn đề nảy sinh, có thể tiến hành nghiên cứu hành động ngay để giải quyết. Trong khi đó, nghiên cứu thực nghiệm đòi hỏi khá nhiều công tác chuẩn bị, vì người ta thường phải đưa vấn đề vào phòng thí nghiệm hoặc mô hình để nghiên cứu.

Người ta cũng phân biệt nghiên cứu hành động với nghiên cứu khoa học thực chứng. Theo đó, mục tiêu của các hoạt động nghiên cứu khoa học thực chứng là để tạo ra các kiến thức tổng quát hoặc các quy tắc chung, trong khi đó nghiên cứu hành động quan tâm đến tri thức trong hành động. Tức là kiến thức thu được từ khoa học thực chứng là kiến thức phổ thông, có phạm vi ứng dụng rộng rãi, trong khi tri thức thu được từ nghiên cứu hành động là đặc biệt, chỉ phù hợp với từng hoàn cảnh và không theo thói quen. Trong nghiên cứu hành động dữ liệu được tích hợp và phân tích theo ngữ cảnh, trong khi đó trong khoa học thực chứng, dữ liệu được kiểm định bằng logic, kết quả đo lường hoặc sự phù hợp đạt được nhờ việc kiểm soát. Con người trong nghiên cứu hành động cũng khác với trong nghiên cứu khoa học thực chứng, họ đóng vai tác nhân gây thay đổi, trong khi ở loại nghiên cứu kia, họ đóng vai người quan sát đứng tách biệt.

## 2.2 Khái niệm nghiên cứu hành động

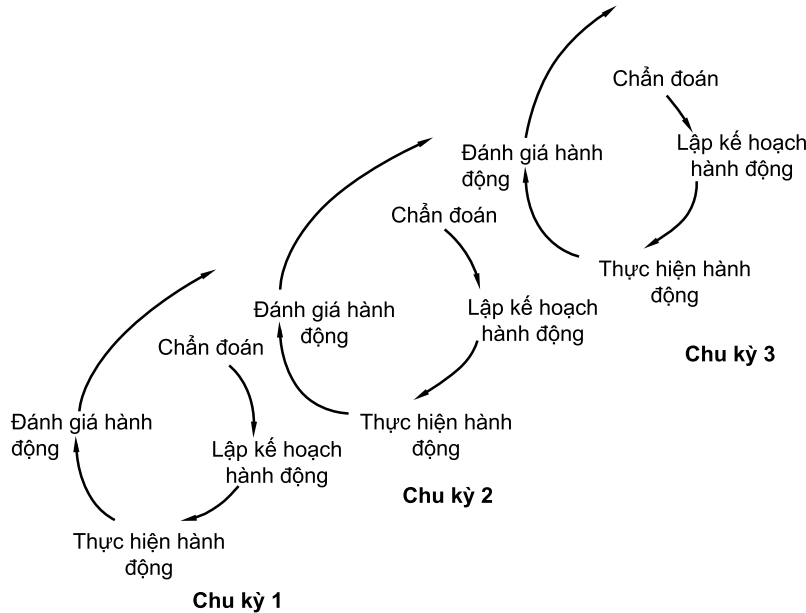
Định nghĩa chi tiết đầu tiên về nghiên cứu hành động được Stephen Corey và cộng sự trình bày năm 1953, tại Trường đại học Sư phạm thuộc trường đại học tổng hợp Columbia, coi nghiên cứu hành động là “một quá trình gắn với việc quản lý một quá trình thay đổi và đòi hỏi sự hợp tác giữa nghiên cứu viên và những người thực hành để giải quyết vấn đề” [4]. Tại thời điểm đó, người ta chỉ quan tâm đến việc hợp tác chặt chẽ giữa nghiên cứu viên và những người thực hiện hoạt động, nhưng các nhà khoa học sau này đòi hỏi rằng trong cách tiếp cận này, các nhà nghiên cứu phải là những người thực hành, khi đó cách tiếp cận này là “một quá trình học từ kinh nghiệm, sự tương tác một cách biện chứng giữa thực tế, kết quả phản ánh và việc học” [1] của những nhà nghiên cứu và cũng chính là những người thực hiện hành động. Một số cách hiểu hiện đại về nghiên cứu hành động coi đó là một hình thức điều tra tự phản chiếu được thực hiện bởi những người tham gia trong các tình huống xã hội (bao gồm cả giáo dục) [2].

Các nghiên cứu về cách tiếp cận này cho ta thấy các đặc trưng của nó như sau [5]:

- Nghiên cứu tiến hành trong hành động, chứ không phải là nghiên cứu tiến hành về hành động;
- Sự tham gia của nhà nghiên cứu vào hành động;
- Tiến hành đồng thời với hành động; và
- Là một chuỗi các sự kiện và cách tiếp cận để giải quyết vấn đề.

Thứ nhất, nghiên cứu hành động tập trung vào việc thực hiện nghiên cứu trong hành động, chứ không phải thực hiện nghiên cứu về hành động. Những người đã trực tiếp trải qua các vấn đề cần giải quyết sẽ thực hiện nghiên cứu hành động qua một quá trình lặp lại gồm 4 bước: hoạch định, thực hiện hành động, đánh giá hành động, chuẩn bị cho hoạt động hoạch định ở chu kỳ sau [5], hoặc, theo một số tác giả khác, bao gồm 4 bước: chẩn đoán, hoạch định hành động, thực hiện hành động, đánh giá hành động (Hình 1). Thứ hai, các thành viên của hệ thống được nghiên cứu tham gia một cách chủ động vào các quá trình 4 bước ở trên, ngược lại với trong các cách tiếp cận truyền thống khi họ là đối tượng của việc nghiên cứu. Thứ ba, việc nghiên cứu tiến hành song song với hành động, từ đó có thể cải tiến để hành động có hiệu quả hơn trong khi vẫn phát triển được kiến thức khoa học. Cuối cùng, nghiên cứu hành động vừa là một chuỗi các sự kiện, vừa là một cách tiếp cận để giải quyết vấn đề. Là một chuỗi các sự kiện, nó bao gồm các chu trình thu thập dữ liệu, chuyển dữ liệu cho người cần sử dụng, phân tích dữ liệu, hoạch định hành động, thực hiện và đánh giá hành động, định hướng việc thu thập thêm dữ liệu và cứ tiếp tục như vậy. Là một cách tiếp cận để giải quyết vấn đề, nghiên cứu hành động là một phương pháp khoa học tìm kiếm chân lý

và thực nghiệm đối với các vấn đề thực tiễn đòi hỏi phải có các giải pháp bằng hành động và cần có sự phối hợp và cộng tác của các nhà nghiên cứu hành động cũng như các thành viên khác của hệ thống được nghiên cứu. Kết quả cần thu được của cách tiếp cận này không chỉ là các giải pháp cho các vấn đề cần giải quyết ngay mà còn cả các bài học, kiến thức thu được, các đóng góp vào cơ sở lý luận khoa học [5].

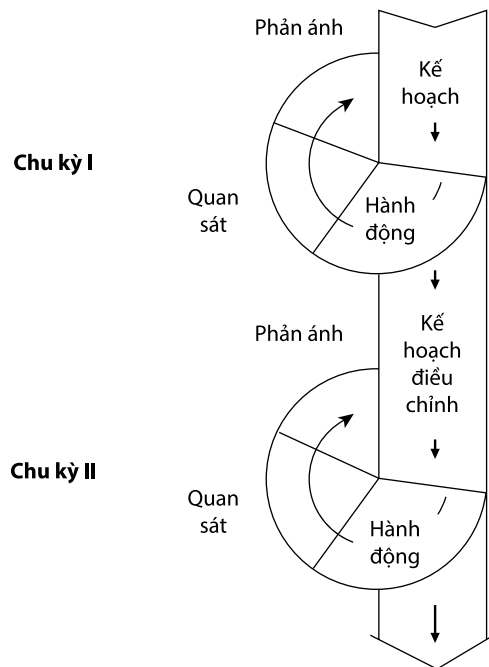


Hình 1. Quá trình lập 4 bước của nghiên cứu hành động [6]

### 2.3 Quy trình thực hiện nghiên cứu hành động

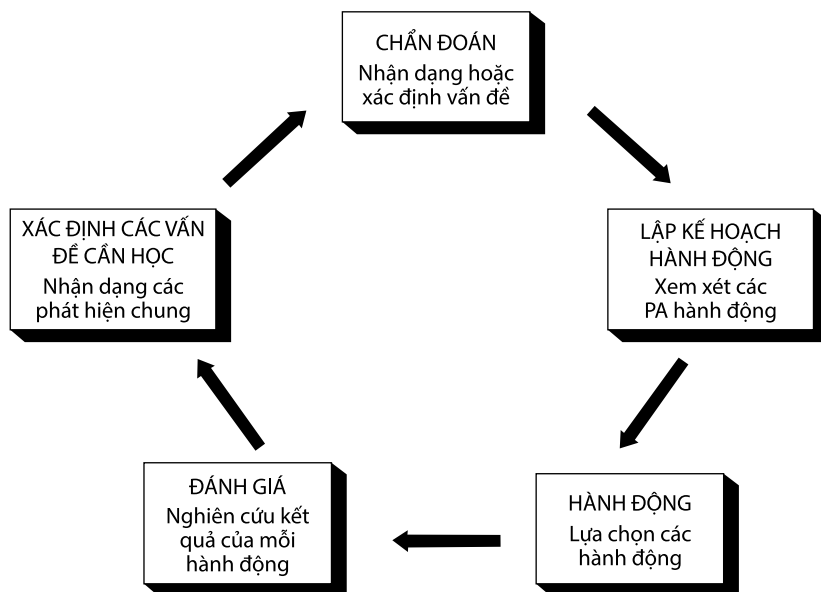
Hình 1 cho thấy quy trình tổng quát và đơn giản hóa của nghiên cứu hành động. Qua đó, nghiên cứu hành động được tiến hành theo một vòng lặp theo nhiều chu kỳ, trong mỗi vòng có 4 bước chẩn đoán, hoạch định hành động, thực hiện hành động, đánh giá hành động. Lưu ý rằng kết quả của việc đánh giá hành động sẽ được sử dụng làm đầu vào cho việc chẩn đoán ở chu kỳ sau. Số chu kỳ cần tiến hành là không cố định, tùy thuộc tình huống và thường kết thúc khi người nghiên cứu hài lòng với kết quả thu được.

Cách tiếp cận của Stephen Kemmis cũng coi nghiên cứu hành động là hoạt động có tính chu kỳ bao gồm 4 quá trình liên tiếp, đó là: Lên kế hoạch (Plan), Hành động (Action), Quan sát (Observe) và Phản ánh (Reflect) (Hình 2). Cụ thể, cần thiết lập một quan điểm đầu tiên để xác định vấn đề, hạn chế phạm vi vấn đề giải quyết và lập kế hoạch, thông qua các tư duy định hướng về nguyên nhân vấn đề, giải pháp có thể áp dụng, dữ liệu/thông tin cần thu thập... Các giải pháp từ kế hoạch đã đề xuất sau đó được thực hiện (thường là các hành động can thiệp), quá trình thực hiện này được quan sát và đo lường để đánh giá tính hiệu quả của các giải pháp. Trong bước “Phản ánh”, người nghiên cứu sẽ tiến hành phân tích những thông tin/số liệu đã thu thập được và xác định liệu vấn đề đã được giải quyết triệt để hay chưa? Nếu vấn đề chưa được giải quyết thì sẽ phải làm gì tiếp theo? Nếu vấn đề đã được giải quyết, vấn đề nào sẽ phải giải quyết trong thời gian tới? Sau hàng loạt các hành động can thiệp được thực hiện lặp đi lặp lại, nghiên cứu sẽ được tiếp tục cho đến khi người nghiên cứu thực sự nắm rõ được vấn đề cần tìm hiểu [2].



Hình 2. Nghiên cứu hành động theo mô hình của Kemmis [2]

Gerald Susman (1983) [7] đã đưa ra một mô hình phức tạp hơn bằng việc bổ sung thêm 1 giai đoạn vào vòng lặp, tạo thành vòng lặp 5 giai đoạn: Chẩn đoán (Diagnosing), Lập kế hoạch hành động (Action planning), Hành động (Taking action), Đánh giá (Evaluating), Xác định những vấn đề cần học (Specifying Learning) (Hình 3). Theo mô hình này, sau khi đã xác định được vấn đề thông qua chẩn đoán, người ta tiến hành lập kế hoạch hành động. Ở bước này, người nghiên cứu sẽ xem xét các đường hướng hành động khác nhau hoặc các giải pháp khả thi trước khi tiếp tục sang bước thứ 3 là “Hành động”. Sau đó, người nghiên cứu thu thập và phân tích dữ liệu về các kết quả của các hành động; các kết quả sẽ được xem xét trên góc độ sự thành công của các hành động. Trong bước này, vấn đề được đánh giá lại và quá trình bắt đầu một chu kỳ khác. Quá trình này sẽ tiếp tục cho đến khi vấn đề được giải quyết [7].



Hình 3. Các giai đoạn nghiên cứu hành động theo Gerald Susman [7]

#### 2.4 Ưu nhược điểm của nghiên cứu hành động

Như các cách tiếp cận khác, nghiên cứu hành động cũng có cả ưu điểm và nhược điểm. Về ưu điểm, cách tiếp cận này có hai ưu điểm chính, đó là: (i) nó có thể giúp chỉ ra được cách thức và nguyên nhân vấn đề cần nghiên cứu nảy sinh, việc này đôi khi không giải quyết hoặc giải thích bằng các mô hình thống kê và hồi quy được; và (ii): các vấn đề nghiên cứu được thực hiện ngay tại hệ thống gốc của nó, trong trạng thái tự nhiên, có thể dẫn đến tiết kiệm thời gian và chi phí hơn là phải xây dựng mô hình hoặc tiến hành trong phòng thí nghiệm [8]. Một số ưu điểm nữa cũng được nhắc đến trong các nghiên cứu về cách tiếp cận này là không mất nhiều công chuẩn bị nghiên cứu, đảm bảo tính liên tục trong nghiên cứu với tiến trình nối tiếp và tuần hoàn của nó.

Nghiên cứu hành động có 4 nhược điểm cơ bản. Loại hình nghiên cứu này dựa trên giả định cơ bản là mỗi một vấn đề sẽ có giải pháp giải quyết bằng hành động tương ứng, điều này không phải lúc nào cũng đúng. Nhược điểm thứ hai có thể kể đến đó là kết quả thu được từ việc nghiên cứu một tình huống khó có thể khái quát hóa cho các tình huống khác. Ngoài ra, có thể nó không phải là lựa chọn của các đối tượng có vấn đề bởi họ có thể không muốn hoặc không thể để người nghiên cứu tham gia trực tiếp vào việc thực hiện các hành động. Một nhược điểm nữa là người nghiên cứu có thể khó xác định điểm để dừng các vòng lặp. Tuy nhiên, các nhược điểm này cũng có thể được hạn chế bởi việc làm rõ phạm vi của nghiên cứu, vai trò và trách nhiệm của người nghiên cứu và những người làm chuyên môn, cũng như điểm kết thúc nghiên cứu trong các thỏa thuận nghiên cứu [8].

#### 2.5 Phạm vi áp dụng của nghiên cứu hành động

Trên thế giới, nghiên cứu hành động, từ việc chỉ được áp dụng trong lĩnh vực giáo dục (phổ biến ở các quốc gia Mỹ, Anh, Đức, Nga, Bỉ, Ấn Độ, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc, ... và cả Việt Nam), đã được áp dụng rộng rãi sang cả các lĩnh vực khác, như y tế (Trung Quốc, Pháp, Bắc Ailen, Nam Phi, Hồng Kông, Mỹ, ... và cả Việt Nam), quản lý doanh nghiệp (Mỹ, Anh, Đức, Nga, Bỉ, Ấn Độ, Nhật Bản, ...) và cả lĩnh vực xây dựng - bao gồm cả quản lý xây dựng (Mỹ, Brazil, Anh...). Kết quả khảo sát trên phạm vi quốc tế việc áp dụng nghiên cứu hành động trong các lĩnh vực nghiên cứu từ số liệu thống kê được từ các nguồn công bố nghiên cứu khoa học uy tín quốc tế là hai trang cơ sở dữ liệu ScienceDirect và Taylor & Francis Online trong vòng 3 năm gần đây được thể hiện trong Bảng 1.

**Bảng 1.** Thống kê các lĩnh vực sử dụng nghiên cứu hành động trong một số nghiên cứu gần đây được công bố trên các tạp chí trực tuyến có uy tín

Lĩnh vực	Số lượng nghiên cứu	Tỷ lệ %
Giáo dục	28	40.58
Quản trị doanh nghiệp	13	18.84
Xây dựng (chỉ có mảng quản lý xây dựng)	12	17.39
Y tế	6	8.70
Xã hội	5	7.25
Môi trường	2	2.90
Kĩ thuật	1	1.45
Kiến trúc	1	1.45
Nông nghiệp/Sinh học	1	1.45
<b>Tổng cộng</b>	<b>69</b>	<b>100.00</b>

Nguồn: tác giả tổng hợp từ các trang ScienceDirect và Taylor & Francis Online.

Theo đó, lĩnh vực được áp dụng nghiên cứu hành động nhiều nhất vẫn là giáo dục, sau đó là quản trị doanh nghiệp. Lĩnh vực xây dựng xếp thứ ba, tuy nhiên các nghiên cứu đề cập đến phương pháp này lại chỉ thuộc mảng quản lý xây dựng. Tuy kết quả ở Bảng 1 không thể hiện được đúng sự phổ biến của các phương pháp này trong các lĩnh vực khác nhau, nó cũng cho thấy xu hướng áp dụng trong quản lý xây dựng là khá cao trong những năm gần đây.

Hiện nay ở Việt Nam, “action research” được biết đến qua nhiều tên gọi khác nhau như “nghiên cứu hành động” [9], “nghiên cứu thực tiễn” [10], “nghiên cứu tìm giải pháp” [11], “nghiên cứu tác động”... nhưng thuật ngữ “nghiên cứu hành động” được sử dụng phổ biến hơn cả. Nhóm tác giả cũng thấy rằng về mặt ngữ nghĩa, cụm từ “nghiên cứu hành động” thể hiện đúng bản chất của cách tiếp cận này hơn so với các cụm từ khác. Về phạm vi áp dụng của loại hình nghiên cứu này, lĩnh vực được áp dụng nhiều nhất là giáo dục, bao gồm cả các hoạt động giáo dục, đào tạo trong và ngoài lớp học. Loại hình nghiên cứu này với tên gọi “nghiên cứu thực tiễn” đã được nhấn mạnh trong “Đề án ngoại ngữ Quốc gia 2020”, được chọn là một trong những trọng tâm trong công tác bồi dưỡng giáo viên và đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh của Việt Nam [10], hay được đề xuất bởi nhóm tác giả Võ Đại Quang và Trịnh Thị Diệu Hằng thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội trong một nghiên cứu về việc giảng dạy ngôn ngữ. Có thể nói rằng, trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, phương pháp nghiên cứu hành động đã nêu bật được ưu điểm là cố gắng đưa ra những ý tưởng trong thực tế, từ đó góp phần vào việc nâng cao kiến thức và đổi mới chương trình đào tạo, giảng dạy và học tập [11]. Cùng với giáo dục - đào tạo, y tế được biết đến là lĩnh vực thứ hai được khuyến khích áp dụng loại hình nghiên cứu này, đó là điều đã được khẳng định bởi PGS.TS Lưu Ngọc Hoạt, khi nhấn mạnh rằng “hầu hết các cán bộ y tế đều cần phải làm nghiên cứu khoa học, nhất là loại nghiên cứu hành động” [9]. Một vài tác giả trong các lĩnh vực khác đã nhắc đến tên phương pháp trong nghiên cứu của mình trong lĩnh vực quản lý xây dựng, nhưng không phổ biến. Hiện mới chỉ thấy nghiên cứu của Nguyễn Hải Lộc đề cập đến phương pháp này, trong một luận văn thạc sĩ bảo vệ tại Trường Đại học Xây dựng năm 2015 [12].



### 3. Nghiên cứu hành động trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng

#### 3.1 Khả năng và phạm vi ứng dụng

Mặc dù đã được sử dụng trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng, nhưng nghiên cứu hành động cũng không quá phổ biến trên thế giới. Sau khi khảo sát các đề tài nghiên cứu, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng hiện nay, tác giả nhận thấy chỉ có một số ít đề tài thực hiện sử dụng cách tiếp cận này. Nguyên nhân, như một số tác giả chỉ ra, có sự chuyên nghiệp hóa và phân biệt giữa giới nghiên cứu và giới thực hành hoạt động chuyên môn. Các đề tài nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu hành động thường được thực hiện bởi những người trước đó làm nghề và đang chuyển hướng sang hoạt động nghiên cứu.

Ở Việt Nam, lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng, cũng như các lĩnh vực khác, có rất nhiều vấn đề đòi hỏi phải tiến hành các nghiên cứu để tìm giải pháp giải quyết, mà các giải pháp cần thu được phải gắn chặt với các hành động cũng như phụ thuộc vào từng tình huống cụ thể. Hiện vẫn có hai xu thế tiến hành hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực này, đó là: (i) các nhà nghiên cứu khoa học đứng quan sát từ bên ngoài, thu thập số liệu về vấn đề cần nghiên cứu, phân tích và đề xuất giải pháp giải quyết cho những người thực hiện hoạt động áp dụng, có thể có hoạt động kiểm chứng lại hiệu quả giải pháp hoặc không kèm theo; và (ii) bản thân những người tham gia thực hiện hoạt động nhận thức được vấn đề cần giải quyết, tự tiến hành nghiên cứu và đề xuất giải pháp

đề tự áp dụng. Có thể nói rằng xu thế thứ nhất vẫn là xu thế chủ đạo, do người ta vẫn có xu hướng phân biệt những nhà nghiên cứu và những người làm nghề. Tuy nhiên, gần đây, thực tế này đã có chiều hướng thay đổi. Những người làm nghề đã ý thức hơn về việc hoàn thiện, cải tiến các công việc do họ thực hiện, có ứng dụng các phương pháp, cách tiếp cận nghiên cứu khoa học.

Kết quả khảo sát các đề tài luận văn cao học, luận án tiến sĩ trong 10 năm gần đây tại một số trường đại học có đào tạo lĩnh vực Kinh tế và Quản lý Xây dựng ở Việt Nam cho thấy số lượng đề tài được thực hiện với địa chỉ phục vụ là chính đơn vị công tác của học viên cao học chiếm một tỷ trọng khá lớn. Trong một cuộc điều tra không chính thức với đối tượng là các học viên cao học tại khoa kinh tế và quản lý xây dựng, kết quả đã cho thấy có hơn 80% số học viên ưu tiên chọn đề tài liên quan đến công việc họ đang làm tại chính cơ quan nơi họ đang công tác. Một khi người nghiên cứu chính là người trong hệ thống và tham gia thực hiện các hoạt động có vấn đề cần giải quyết, đó chính là cơ hội để áp dụng liên tục trong nghiên cứu hành động. Với ưu điểm là không quá nhiều công đề chuẩn bị nghiên cứu, đảm bảo tính liên tục trong nghiên cứu với tiến trình nối tiếp và tuần hoàn của nó cũng như phù hợp với việc cải tiến liên tục hoạt động, nghiên cứu hành động chính là cách tiếp cận phù hợp cho các nghiên cứu về kinh tế và quản lý xây dựng ở thực địa. Thêm vào đó, một tồn tại khá phổ biến gắn với việc thực hiện các đề tài nghiên cứu của các luận văn cao học, luận án tiến sĩ này là chúng chỉ dừng lại ở việc đề xuất giải pháp, rất hiếm khi tiến hành đến cả giai đoạn giải pháp được áp dụng để đánh giá hiệu quả của giải pháp, chưa nói đến việc cải tiến giải pháp. Rõ ràng cách tiếp cận này tạo cơ hội cho người nghiên cứu, cũng là người tìm kiếm giải pháp, kiểm định lại giải pháp của mình. Đó là một số lý do cho thấy khả năng áp dụng cao của cách tiếp cận này trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng.

Tuy nhiên, ngoài việc người nghiên cứu có thể không tham gia thực hiện các hoạt động có vấn đề cần giải quyết khiến không áp dụng được cách tiếp cận này, một số chủ đề nghiên cứu có phạm vi rộng, ngoài tầm tác động của người nghiên cứu cũng có thể không phù hợp để áp dụng nghiên cứu hành động. Một số chủ đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng có thể áp dụng tốt cách tiếp cận này như sau:

- Các đề tài mang tính hoàn thiện việc thực hiện một số công tác nhất định trong các hoạt động chuyên môn về kinh tế và quản lý xây dựng;
- Các nghiên cứu về cải tiến quá trình, hoạt động chuyên môn về kinh tế và quản lý xây dựng;
- Các nghiên cứu về quản lý giá trị đầu tư xây dựng...

### **3.2 Ví dụ minh họa việc áp dụng nghiên cứu hành động**

Với mục đích làm rõ việc áp dụng cách tiếp cận nghiên cứu hành động trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng tại Việt Nam, dưới đây xin trình bày một ví dụ cụ thể về việc áp dụng nghiên cứu hành động trong việc quản lý giá trị dự án đầu tư xây dựng Trụ sở cơ quan Kiểm toán Nhà nước cơ sở 2, tại đường Nguyễn Chánh, Cầu Giấy, Hà Nội [12]. Việc thực hiện các hoạt động quản lý giá trị trong dự án đã được thực hiện theo đúng như quá trình lập 4 bước của nghiên cứu hành động; đó là: Chẩn đoán, Lập kế hoạch hành động, Thực hiện hành động và Đánh giá hành động. Giám đốc Ban quản lý dự án (tương đương với chức danh Giám đốc quản lý dự án theo quy định của Nghị định 59/2015/NĐ-CP) đã huy động các chuyên gia phù hợp từ các cơ quan chuyên môn tham gia các buổi hội thảo quản lý giá trị để tìm kiếm các giải pháp nâng cao giá trị cho dự án. Có nhiều hoạt động quản lý giá trị đã được thực hiện cho dự án tại các thời điểm khác nhau, tuy nhiên, do chỉ nhằm mục đích minh họa, bài báo tập trung vào hai hoạt động đầu, tại các thời điểm sau:

- Thời điểm 1: tháng 4, 5/2014, là thời điểm Ban Quản lý dự án tiếp nhận hồ sơ dự án (dự án đầu tư - tức báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định hiện hành; thuyết minh thiết kế cơ sở và bản vẽ thiết kế cơ sở) do đơn vị Tư vấn thiết kế lập để trình Chủ đầu tư thẩm định và trình Kiểm toán Nhà nước phê duyệt;
- Thời điểm 2, tháng 9/2014, là thời điểm Ban Quản lý dự án xem xét trình Chủ đầu tư phê duyệt biện pháp thi công tầng hầm;

Cách tiếp cận nghiên cứu hành động được thực hiện đối với các hoạt động quản lý giá trị (xác định thời điểm cần tiến hành các hội thảo quản lý giá trị cho dự án, xác định các chỉ tiêu giá trị cho dự án, lựa chọn chuyên gia tham gia các hội thảo quản lý giá trị, tổ chức các hội thảo quản lý giá trị và áp dụng các giải pháp được lựa chọn vào thực tế) chứ không phải cho việc áp dụng các giải pháp nâng cao giá trị được lựa chọn. Ba hoạt động quản lý giá trị được thực hiện này cũng có thể coi là các chu kỳ khác nhau trong nghiên cứu hành động. Các hoạt động chẩn đoán được Giám đốc dự án tự mình thực hiện, ở các hoạt động quản lý giá trị sau có rút kinh nghiệm từ các hoạt động quản lý trước theo tất cả các nội dung: xác định thời điểm cần tiến hành các hội thảo quản lý giá trị cho dự án, xác định các chỉ tiêu giá trị cho dự án, lựa chọn chuyên gia tham gia các hội thảo quản lý giá trị, tổ chức các hội thảo quản lý giá trị và áp dụng các giải pháp được lựa chọn vào thực tế.

#### **a) Chu kỳ 1:**

Đây là thời điểm đầu tiên tổ chức hoạt động quản lý giá trị cho dự án, Giám đốc Ban quản lý dự án chưa có kinh nghiệm tổ chức hoạt động này, nhưng vẫn quyết định tổ chức do thấy được sự cần thiết phải có được giải pháp thiết kế tối ưu (bao gồm các giải pháp kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật, sử dụng vật liệu và giải

pháp thi công) trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án. Kế hoạch tổ chức hoạt động quản lý giá trị chỉ được lập cho việc tổ chức hội thảo quản lý giá trị.

Các chuyên gia tham gia hội thảo quản lý giá trị đến từ Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng (đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng); Viện Khoa học Công nghệ và Viện Kinh tế - Bộ Xây dựng (đại diện cho các đơn vị chuyên môn về xây dựng); và các đơn vị chuyên môn thuộc Kiểm toán Nhà nước là Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành 5, Phòng Quản lý đầu tư và Ban Quản lý dự án - Văn phòng Kiểm toán Nhà nước, vừa đại diện cho đơn vị sử dụng và đơn vị quản lý dự án, vừa là cơ quan chuyên môn của Kiểm toán Nhà nước. Do chưa có kinh nghiệm, Giám đốc Ban quản lý dự án không xác định hệ chỉ tiêu giá trị cho dự án trước mà để các chuyên gia tự đánh giá các phương án thiết kế theo cảm nhận chủ quan của mình. Do đó, buổi hội thảo bị kéo dài ra do các chuyên gia tham gia hoặc đưa ra các đề xuất không tập trung, hoặc chưa sát với yêu cầu dự án, khiến hiệu quả của buổi hội thảo giảm đi. Vấn đề tiếp theo là chỉ có một số chuyên gia được người tổ chức chỉ định mời đích danh, còn các chuyên gia khác, nhất là chuyên gia nội bộ, do đơn vị tổ chức chỉ gửi giấy mời chung về các đơn vị và để các đơn vị tự cử người tham gia, nên có một số chuyên gia chưa có hiểu biết nhiều về dự án, hoặc là các chuyên gia ở các lĩnh vực chuyên môn khác chưa thực sự phù hợp với yêu cầu của giai đoạn này. Tuy nhiên, sau khi xử lý các vấn đề nảy sinh, hội thảo quản lý giá trị cũng thành công và các thành phần tham gia đã thống nhất và lựa chọn được phương án thiết kế, thiết bị phù hợp với đặc điểm quy mô công trình. Theo đó, số lượng chỗ để xe ô tô dưới tầng hầm đã tăng từ 100 xe lên 186 xe (loại 4 chỗ ngồi); diện tích làm việc đã tăng thêm 800m<sup>2</sup> (tương ứng với 2,3%) do giảm được không gian phục vụ công cộng (như không gian giao thông nội bộ, WC). Sau khi đánh giá và ước lượng sơ bộ, giá trị đem lại cho dự án là 67.95 triệu đồng [12].

Các kết luận nói trên được rút ra từ các cuộc họp rút kinh nghiệm được tổ chức ngay sau hội thảo quản lý giá trị và sau khi áp dụng giải pháp đề xuất vào thực tế. Có thể nói, các cuộc họp rút kinh nghiệm này tương ứng với bước Đánh giá hành động. Các kinh nghiệm được rút ra được ghi chép lại và áp dụng vào việc tổ chức hoạt động quản lý giá trị thứ hai [12,13].

#### b) Chu kỳ 2

Chủ đầu tư nhận định rằng vị trí tiếp giáp giữa tường vây của công trình với các công trình xung quanh có khả năng xảy ra sự cố về lún, nứt khi thi công hố đào. Do đó, Giám đốc Ban quản lý dự án quyết định tổ chức một hoạt động quản lý giá trị thứ hai để đánh giá về biện pháp thi công phần ngầm của công trình.

Trước khi tiến hành hoạt động quản lý giá trị thứ hai, Giám đốc Ban quản lý dự án thấy rằng vẫn còn những tồn tại cần phải rút kinh nghiệm từ hoạt động quản lý giá trị thứ nhất, như việc chưa lập kế hoạch cho toàn bộ hoạt động quản lý giá trị mà chỉ tập trung vào buổi hội thảo, chưa xây dựng rõ hệ chỉ tiêu giá trị phù hợp với giai đoạn dự án, chưa có tiêu chí rõ ràng cho việc lựa chọn chuyên gia tham gia vào hội thảo. Việc tổ chức hoạt động quản lý giá trị thứ hai đã đảm bảo không lặp lại các thiếu sót này, đã có kế hoạch cho toàn bộ hoạt động quản lý giá trị, xây dựng hệ thống chỉ tiêu giá trị cụ thể cho giai đoạn này (tập trung vào biện pháp thi công phần ngầm và hậu quả, hiệu quả của các biện pháp) và đã làm rõ các tiêu chí cần thiết về chuyên gia, đưa vào giấy mời gửi đến các đơn vị hoặc đích danh các chuyên gia đã được sàng lọc dựa trên thông tin Ban quản lý dự án nắm bắt được.

Hội thảo quản lý giá trị được thực hiện với sự tham gia của các chuyên gia đến từ Cục Quản lý hoạt động xây dựng, Cục Giám định chất lượng - Bộ Xây dựng; Viện Khoa học Công nghệ; một số nhà thầu thi công như Tổng công ty 36 - Bộ Quốc phòng và Công ty Xây dựng công nghiệp Delta (một đơn vị có kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công phần ngầm khác); một số đơn vị tư vấn quản lý dự án là Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam - VNCC và Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư, cùng với các chuyên gia có chuyên môn phù hợp đến từ các đơn vị chuyên môn thuộc Kiểm toán Nhà nước là Phòng Quản lý đầu tư và Ban Quản lý dự án - Văn phòng Kiểm toán Nhà nước, vừa đại diện cho đơn vị sử dụng và đơn vị quản lý dự án, vừa là cơ quan chuyên môn của Kiểm toán Nhà nước. Kết quả là phương án thi công phần ngầm được thống nhất và lựa chọn được đảm bảo không làm ảnh hưởng tới chất lượng công trình liền kề cũng như thời gian thi công đào đất và kết cấu tầng hầm.

Một số cuộc họp hậu các quá trình quản lý giá trị cũng đã được tổ chức nhằm đánh giá các giải pháp được áp dụng là kết quả của các hội thảo quản lý giá trị. Kết quả từ các cuộc họp cho thấy hệ chỉ tiêu giá trị được đề xuất vẫn còn mang tính tổng quát cho toàn bộ dự án, chưa xem xét đến yêu cầu của các bên hữu quan một cách cụ thể, gắn liền với hoạt động thi công tầng hầm và kết quả của hoạt động này. Tồn tại tiếp theo là vẫn chưa có phương pháp ra quyết định thực sự khoa học, thuận tiện và phù hợp để lựa chọn giải pháp thi công, nên người tổ chức hội thảo phải sử dụng phương pháp biểu quyết để lựa chọn phương án cuối cùng. Những tồn tại này sẽ được lưu ý đến trong các hoạt động quản lý giá trị tiếp theo cho dự án, đã được thực hiện hoặc dự kiến được thực hiện cho các thời điểm sau:

- Tháng 3/2015: Thời điểm Tư vấn thiết kế hoàn thiện giải pháp thiết kế kiến trúc mặt ngoài công trình;
- Tháng 2/2016: Thời điểm trước khi quyết định lựa chọn nhà thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị cho dự án.

Có thể thấy, mặc dù còn những vấn đề cần hoàn chỉnh, việc sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu hành động cho các hoạt động quản lý giá trị cho dự án trên là rất phù hợp.



#### 4. Kết luận

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau để tiến hành các nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng. Tuy nhiên, nghiên cứu hành động, mặc dù có khả năng áp dụng lớn trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng, khi người nghiên cứu cũng là người thực hiện các nhiệm vụ có vấn đề cần giải quyết, vẫn hầu như chưa được biết đến và áp dụng trong lĩnh vực này ở Việt Nam. Việc giới thiệu và tiến hành các nghiên cứu chỉ ra cách thức áp dụng cách tiếp cận này là cần thiết, nhằm giúp các nhà nghiên cứu và chuyên môn có hiểu biết và bài học kinh nghiệm về một công cụ mới để giải quyết các vấn đề trong hoạt động chuyên môn kinh tế và quản lý xây dựng một cách khoa học.

#### Tài liệu tham khảo

1. McNiff, J. (2013), *Action research: Principles and practice*, Routledge.
2. MacIsaac, D. (1996), *An Introduction to Action Research*. [cited 2015 15-06]; Available from: <http://physicsed.buffalostate.edu/danowner/actionrsch.html>.
3. Maksimović, J. (2010), *Historical development of action research in social sciences*, *Facta universitatis-series: Philosophy, Sociology, Psychology and History*, 9(1): 119-124.
4. Corey, S.M. (1953), *Action research to improve school practices*, Teachers College, Columbia University: New York 27: Bureau of Publications.
5. Coughlan, P. and D. Coughlan (2002), "Action research for operations management", *International journal of operations & production management*, 22(2): 220-240.
6. Zikos, D. and A. Thiel (2013), "Action research's potential to foster institutional change for urban water management", *Water*, 5(2): 356-378.
7. Susman, G.I. (1983), *Action research: a sociotechnical systems perspective*, *Beyond method: Strategies for social research*, 95-113.
8. Azhar, S. (2009), I. Ahmad, and M.K. Sein, "Action research as a proactive research method for construction engineering and management", *Journal of Construction Engineering and Management*, 136(1): 87-98.
9. Lưu Ngọc Hoạt, *Tổng quan về nghiên cứu và các loại thiết kế nghiên cứu thường áp dụng trong bệnh viện*, Viện YHDP và YTCC - Trường Đại học Y Hà Nội.
10. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020"*, Hà Nội.
11. Vo Dai Quang, Trinh Thi Dieu Hang (2008), "Action research: An overview", *VNU Journal of Science, Foreign Languages*, 24: 203-206.
12. Nguyễn Hải Lộc (2015), *Vận dụng giải pháp tổ chức hoạt động quản lý giá trị trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trụ sở cơ quan Kiểm toán Nhà nước cơ sở 2*, Trường Đại học Xây dựng, Hà Nội.
13. Nguyễn Hải Lộc, Nguyễn Thế Quân (2016), "Thực hiện quản lý giá trị trong dự án đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan kiểm toán Nhà nước cơ sở 2", *Tạp chí Kinh tế Xây dựng*.